

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 12

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. ĐỌC HIỂU (4đ)

Học sinh đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi kế tiếp

NẠN HỮU XUY ĐỊCH

(Nhật kí trong tù, Hồ Chí Minh)

Ngục trung hốt thính tư hương khúc,
Thanh chuyển thê lương điệu chuyển sầu.
Thiên lí quan hà vô hạn cảm,
Khuê nhân cánh thượng nhất tầng lầu.

Dịch nghĩa

Trong tù bỗng nghe khúc nhạc nhớ quê hương,
Âm thanh trở nên thê lương, tình điệu trở nên sầu muộn.
Nước non xa cách nghìn trùng, cảm thương vô hạn,
Người chốn phòng khuê lại bước lên một tầng lầu.

Dịch thơ – Nam Trân: Người bạn tù thổi sáo

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000)

(baodaklak.vn)

Câu 1. Xác định đề tài và thể thơ và cảm xúc, âm hưởng chủ đạo của bài thơ.

(0.5 điểm)

Câu 2. Đối chiếu bản dịch thơ của câu thứ nhất với nguyên văn (thông qua các bản dịch nghĩa), từ đó xác định từ ngữ ở bản dịch thơ chưa sát nghĩa và phân tích hoàn cảnh và cảm xúc của nhân vật trữ tình. (0.5 điểm)

Câu 3. Bản dịch thơ ở câu thứ 2: Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu đã thể hiện trọn vẹn nội dung và cảm xúc ở bản gốc chưa? Hãy phân tích bản gốc (ngắt nhịp, thanh điệu) để thấy rõ sự tinh tế trong cảm nhận tiếng sáo của thi sĩ Hồ Chí Minh. (1.0 điểm)

Câu 4. Không gian “xa cách nghìn trùng” và “người chón phòng khuê bước lên một tầng lầu” có phải cảnh thực không? Vì sao có cảnh tượng ấy? Chúng đã gọi ra điều gì ở độc giả? (1.0 điểm)

Câu 5. Nhận xét bản dịch thơ (2 câu cuối) có sát với bản gốc không? Gắn bài thơ vào hoàn cảnh ra đời để phân tích sức gọi và khát vọng của nhân vật trữ tình trong bài thơ và từ đó cho biết em thích bản dịch thơ hay bản gốc hơn? (1.0 điểm)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của chiến sĩ, thi sĩ Hồ Chí Minh và chỉ ra sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại của bài thơ. (Trả lời bằng đoạn văn 200 chữ) (2.0 điểm)

Câu 2. (4đ)

Viết văn bản nghị luận (600 chữ) so sánh, đánh giá để làm nổi bật nét tương đồng, khác biệt về cảm xúc, cách thể hiện cảm xúc ở 2 bài thơ tứ tuyệt Tĩnh dạ tứ của Lý Bạch (trích từ Thơ Đường, tập 2, NXB Văn học, 1987) và Nạn hữu xuy dịch của Hồ Chí Minh (ở phần Đọc hiểu)

-----Hết-----

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Câu 1 (0,5 điểm)**

Xác định đề tài và thể thơ và cảm xúc, âm hưởng chủ đạo của bài thơ. (0.5 điểm)

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bài thơ, chú ý đối tượng được nhắc đến

Chú ý số dòng trong bài, số từ trong câu

Chú ý các tính từ được nhắc đến để suy ra âm hưởng chủ đạo của nhà thơ

Lời giải chi tiết:

- Đề tài: Quê hương

- Thể thơ: Tứ tuyệt

- Cảm xúc chủ đạo: Nỗi nhớ quê da diết; âm hưởng lắng đọng, buồn da diết.

Câu 2 (0,5 điểm)

Đối chiếu bản dịch thơ của câu thứ nhất với nguyên văn (thông qua các bản dịch nghĩa), từ đó xác định từ ngữ ở bản dịch thơ chưa sát nghĩa và phân tích hoàn cảnh và cảm xúc của nhân vật trữ tình. (0.5 điểm)

Phương pháp giải:

Đọc kĩ bản dịch thơ câu thứ nhất với nguyên văn

Lời giải chi tiết:

Dịch nghĩa: Trong tù bỗng nghe khúc nhạc nhớ quê hương.

Dịch thơ: Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu.

→ Bản dịch thiếu nghĩa của “tư hương” – nhớ quê; bản dịch nghĩa và phiên âm

- Bản phiên âm, dịch nghĩa thể hiện rõ hoàn cảnh của nhân vật trữ tình: đang

1 ở trong ngục (mất tự do và xa quê), nghe tiếng sáo nhớ quê.

→ Nghe âm thanh tiếng sáo cảm nhận được nỗi lòng người thổi sáo đang nhớ quê

→ Nỗi lòng nhớ quê tác động mãnh liệt tới tâm hồn người đang bị giam trong ngục

→ Hai người như giao cảm, thấu hiểu nỗi lòng nhau qua tiếng sáo.

Câu 3 (1,0 điểm)

Bản dịch thơ ở câu thứ 2: Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sâu đã thể hiện trọn vẹn nội dung và cảm xúc ở bản gốc chưa? Hãy phân tích bản gốc (ngắt nhịp, thanh điệu) để thấy rõ sự tinh tế trong cảm nhận tiếng sáo của thi sĩ Hồ Chí Minh. (1.0 điểm)

Phương pháp giải:

Đọc kỹ bản dịch và bản gốc câu thứ 2

Nhận xét về nhịp thơ và phân tích nghĩa từng từ trong câu

Lời giải chi tiết:

- Bản gốc: Thanh chuyển thê lương điệu chuyển sâu (Âm thanh trở nên thê lương, tình điệu trở nên sâu muộn).

- Bản dịch thơ (Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sâu) chưa chuyển tải trọn vẹn tình ý ở bản gốc.

+ Bản phiên âm, dịch nghĩa: Nhịp thơ cổ điển 4/3; với bốn thanh trắc “ngục”, “hốt”, “thính”, “khúc” nghe réo rắt diễn tả tâm trạng nhớ quê hương một cách da diết.

+ Dịch được chữ “điệu” mà không dịch được chữ “thanh”, hai yếu tố quan trọng của âm nhạc để diễn tả cảm xúc.

+ “Thanh chuyển thê lương”, nghĩa là âm thanh trở nên lạnh lẽo như khúc nhạc chuyển gam; “Điệu chuyển sâu” nghĩa là điệu nhạc trở nên buồn bã. Bằng sự biến hoá của âm thanh, nỗi nhớ quê hương trần trở, day dứt không nguôi trong tiếng sáo của người bạn tù. Tiếng sáo gợi nỗi niềm nhớ thương khắc khoải trong lòng người xa quê.

- Sự tinh tế trong cảm nhận tiếng sáo từ câu thơ đầu sáng câu thứ hai.

+ Câu thơ đầu là nỗi nhớ quê trong tiếng sáo.

+ Câu thứ hai thể hiện nỗi nhớ quê sâu lắng, tha thiết tới mức thê lương, sâu

muộn trong thanh điệu của tiếng sáo: Âm thanh trở nên thê lương, tình điệu trở nên sầu muộn.

→ Từ đồng cảm đến thấu hiểu sâu sắc nỗi lòng nhau –những người cùng cảnh ngộ mất tự do, xa quê, nhớ quê da diết.

Câu 4 (0,5 điểm)

Không gian “xa cách nghìn trùng” và “người chôn phòng khuê bước lên một tầng lầu” có phải cảnh thực không? Vì sao có cảnh tượng ấy? Chúng đã gợi ra điều gì ở độc giả? (0,5 điểm)

Phương pháp giải:

Liên hệ với thực tế để suy ra tính thực của không gian

Đọc các câu thơ trước và giải thích vì sao có cảnh tượng ấy

Lời giải chi tiết:

- Không gian “xa cách nghìn trùng” và “người chôn phòng khuê bước lên một tầng lầu” không phải cảnh thực.
- Chính tiếng sáo, nỗi lòng nhớ quê của người bạn tù đã gợi ra cảnh tượng của những người đang nhớ nhau trong ngàn trùng xa cách; chính sự thấu hiểu nỗi buồn vì nhớ quê nhà của người bạn mà thi sĩ tưởng tượng ra cảnh của người vợ nhớ chồng. Họ đang hướng về nhau, người vợ nơi quê nhà nghe được tiếng sáo, nỗi lòng nhớ thương của người chồng xa quê. Tiếng sáo là tiếng lòng, là cầu nối những người đang sống trong thương nhớ với nhau, hiểu nhau, nhớ nhau nhưng phải cách xa nhau.

Câu 5 (1 điểm)

Nhận xét bản dịch thơ (2 câu cuối) có sát với bản gốc không? Gắn bài thơ vào hoàn cảnh ra đời để phân tích sức gợi và khát vọng của nhân vật trữ tình trong bài thơ và từ đó cho biết em thích bản dịch thơ hay bản gốc hơn? (1.0 điểm)

Phương pháp giải:

Đọc bản dịch thơ và bản gốc 2 câu cuối

Gắn bài thơ vào hoàn cảnh ra đời (khi tác giả đang bị giam trong tù ngục) để phân tích sức gợi và khát vọng của nhân vật trữ tình trong bài thơ

Lời giải chi tiết:

– Bản dịch thơ (2 câu cuối) vô cùng đặc sắc: hàm súc, giàu sức gợi liên tưởng:

+ “Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi”: Bảy chữ gợi ra không gian xa cách và nỗi buồn, niềm cảm thương vô bờ đối với cảnh ngộ của bạn tù (hai vợ chồng nhớ thương nhau trong cách trở); Cụm từ “khôn xiết nỗi” giàu sức gợi hiển thị toàn bộ lên bề nổi của ngôn từ như “cảm thương vô hạn”.

+ “Lên lầu ai đó ngóng trông nhau”: Vừa chuyển tải được ý ở bản gốc vừa gợi ra được tình, cảnh – hai người trong xa cách đang hướng về nhau, nhớ nhau, mong ngóng nhau trở về.

- Gắn bài thơ vào hoàn cảnh ra đời – khi tác giả đang bị giam trong tù ngục (Nhà tù của Tưởng Giới Thạch – Trung Quốc, 1942) để thấy sự đa nghĩa và sức gợi của bài thơ:

+ Cảnh ngộ “Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi” không chỉ của vợ chồng người bạn tù mà còn là cảnh ngộ của tác giả Hồ Chí Minh: xa nhà, xa nước muôn dặm, nhớ nước nhớ nhà khôn xiết, biết bao giờ mới được trở về, được tham gia vào sự nghiệp cứu nước đang dang dở... → Khát vọng tự do cháy bỏng, mãnh liệt.

+ Cảnh “Lên lầu ai đó ngóng trông nhau” có thể hiểu Hồ Chí Minh và những đồng chí, cộng sự của mình đang mong ngóng tin nhau, đang chờ nhau trở về để cùng thực hiện sự nghiệp cứu nước ở giai đoạn quan trọng nhất.

→ Thể hiện kín đáo, sâu sắc tâm lòng yêu quê hương, đất nước của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đày, gian khổ.

– Học sinh thể hiện sự lựa chọn theo sở thích cá nhân và lí giải đôi nét về sự lựa chọn đó.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1.

Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của chiến sĩ, thi sĩ Hồ Chí Minh và chỉ ra sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại của bài thơ. (Trả lời bằng đoạn văn 200 chữ) (2.0 điểm)

Phương pháp giải:

Dựa vào kiến thức và kỹ năng viết đoạn văn đã được học

Nhận xét về thể thơ, hình ảnh để thấy được nét cổ điển và sự chuyển biến, vận động của hình tượng thơ để thấy được tinh thần hiện đại

Nêu quan điểm, ý kiến của bản thân

Lời giải chi tiết:

- Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn.

+ Nhạy cảm, thấu hiểu nỗi lòng, đồng cảm với cảnh ngộ của người bạn tù

+ Không than thở, không nói về cảnh ngộ của bản thân.

+ Thể hiện khát vọng tự do, tinh thần yêu nước.

- Kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại.

+ Cổ điển: thể thơ; hình ảnh, ngôn từ hàm súc, giàu sức gợi,...

+ Tinh thần hiện đại: biến chuyển tinh tế (không tĩnh tại) trong cảm xúc, sự vận động của hình tượng thơ: nhớ quê – thể lương, sầu muộn – nhớ, hướng về nhau

Câu 2.

Viết văn bản nghị luận (600 chữ) so sánh, đánh giá để làm nổi bật nét tương đồng, khác biệt về cảm xúc, cách thể hiện cảm xúc ở 2 bài thơ tứ tuyệt Tĩnh dạ tứ của Lý Bạch (trích từ Thơ Đường, tập 2, NXB Văn học, 1987) và Nạn hữu xuy địch của Hồ Chí Minh (ở phần Đọc hiểu)

Phương pháp giải:

Xác định yêu cầu về hình thức và nội dung bài văn

Dựa vào kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện bài văn

Lời giải chi tiết:

Viết văn bản nghị luận (600 chữ) so sánh, đánh giá để làm nổi bật nét tương đồng, khác biệt về cảm xúc, cách thể hiện cảm xúc ở 2 bài thơ tứ tuyệt Tĩnh

đạ tứ của Lý Bạch (trích từ Thơ Đường, tập 2, NXB Văn học, 1987) và Nạn hữu xuy địch của Hồ Chí Minh (ở phần Đọc hiểu)		
Phần chính	Điểm	Nội dung cụ thể
Mở bài	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm cần so sánh, đánh giá. - Nêu luận đề: điểm tương đồng và thành công riêng của mỗi tác giả.
Thân bài	3,0	<ul style="list-style-type: none"> * Nét tương đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung: Thể hiện nỗi nhớ quê hương da diết (ánh trăng nỗi nhớ có ngoại cảnh tác động: nghe tiếng sáo làm dậy lên nỗi nhớ) - Về hình thức: bằng bài thơ tứ tuyệt hàm súc, giàu sức gợi, chất hội họa. * Nét khác biệt <ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung – hoàn cảnh bộc lộ nỗi nhớ. <ul style="list-style-type: none"> + “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch: xa quê, nhìn trăng sáng mà nhớ cố hương, trăng như trở thành biểu tượng cho quê hương + Nạn hữu xuy địch – Hồ Chí Minh: bị giam cầm, mất tự do, nghe tiếng sáo người bạn tù mà cảm nhận được nỗi nhớ quê (nỗi nhớ có cung bậc thể lương, sâu muộn.) - Cách thể hiện nỗi nhớ quê <ul style="list-style-type: none"> + “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch diễn tả trực tiếp nỗi nhớ của lòng mình với quê hương + “Nạn hữu xuy địch” của Hồ Chí Minh: thể hiện gián tiếp qua nỗi nhớ quê của người bạn tù

Kết bài	0,5	- Khái quát giá trị, sự đóng góp của hai tác giả ở đề tài tư hương. – Sự tác động của hai tác phẩm vào cảm xúc nhận thức của cá nhân.
---------	-----	--

Loigiaihay.com